TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 159/2021/HNGĐ - ST Ngày: 24/9/2021 *V/v bà L xin ly hôn ông H.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do - Hạnh phúc***

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Đức**; Bà **Nguyễn Thị Hoa**.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2021/TLST - HNGĐ ngày 12/5/2021 về việc *Ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐHPT-LH ngày 14/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòalần hai số 09/2021/QĐHPT-LH ngày 28/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984.
ĐKHKTT: Thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.
Nơi tạm trú: Thôn T, xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Ông **Ngô Văn H**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.
Bà L có mặt. Ông H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Tuấn K:

Ông **Nguyễn Văn Vũ** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 09; Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Thị Nhật V:

Ông **Nguyễn Tất Doanh** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 09; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Tôi và anh Ngô Văn H có tìm hiểu 01 năm và đã đăng ký kết hôn ngày 08/6/2008 tại UBND xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Khi tìm hiểu tôi làm nghề cắt tóc ở thôn L, xã H còn anh H làm nghề sửa xe ở xã P, huyện Q. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn và về nhà chồng chung sống. Sau khi kết hôn tôi vẫn làm nghề cắt toc đến nay. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc với nhau được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kể từ năm 2011 anh H sa vào chơi bời cờ bạc, nghiện ma túy; không quan tâm gì đến gia đình và không chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tôi đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không tu dưỡng rèn luyện tiếp tục lao sâu vào con đường nghiện ngập, cờ bạc nên bị Công an xã đưa đi cai nghiện bắt buộc tập trung 02 năm tại Sóc Sơn. Quá trình anh H đi cai nghiện tôi vẫn đến thăm nom, động viên anh H với mục đích để anh H có cơ hội sửa chữa cai nghiện, bỏ cờ bạc vợ chồng cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Đến năm 2013 anh H cai nghiện về nhưng vẫn không tu chí làm ăn mà vẫn tiếp tục lao vào cờ bạc, bán hết tất cả tài sản của vợ chồng gồm 01 ngôi nhà đất được 1,5 tỷ đồng; 02 mảnh đất mà bố mẹ anh H cho: 01 mảnh đất được 01 tỷ đồng và 01 mảnh đất được 800 triệu đồng và toàn bộ đồ đạc trong nhà bao gồm tivi, tủ lạnh, điều hòa, bàn ghế. Tổng tài sản anh H chơi bời cờ bạc và dùng vào việc mua và sử dụng ma túy hết 3,5 tỷ đồng dẫn đến hai vợ chồng trắng tay không còn tài sản gì. Từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, mẹ con tôi phải ở thuê tại thôn L, xã H nhưng anh H không thăm nom hỏi han gì đến con và không đưa tiền cho tôi nuôi con. Hiện nay anh H sống lang thang và không làm gì cả cũng không có thu nhập. Tôi không biết anh H sống từ nguồn nào.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn đề nghị Tòa giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung.

- Cháu Ngô Tuấn K, sinh ngày 22/02/2009.

- Cháu Ngô Thị Nhật V, sinh ngày 28/7/2012.

Cháu V bị tàn tật, không đi được và cũng không nói được. Nếu ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con. Giả sử tôi có yêu cầu anh H đóng góp nuôi con thì anh H cũng không có mà đóng góp.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Ngô Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh, không hợp tác để Tòa án tiến hành giải quyết vụ án.*

** Tại phiên tòa,* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và đề nghị được nuôi cả hai con. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu gì. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba vẫn vắng mặt không có lý do.

Ông Nguyễn Văn Vũ - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Tuấn K trình bày: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H nghiện ngập, cờ bạc bán hết tài sản không có trách nhiệm với vợ con. Đề nghị HĐXX xem xét giao cháu Ngô Tuấn K cho chị L nuôi mới bảo đảm quyền lợi của cháu. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: chị L không yêu cầu nên chúng tôi không đề cập trong vụ án.

Ông Nguyễn Tất Doanh - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Thị Nhật V trình bày: Cháu Ngô Thị Nhật V là con chung của chị L và anh H bị tàn tật từ nhỏ, hàng tháng được trợ cấp 700.000 đồng. Hiện nay do anh H không có nghề nghiệp, không có tài sản thuộc đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập nên đề nghị HĐXX xem xét giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi của cháu. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: chị L không yêu cầu nên chúng tôi không đề cập trong vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

- **Về tố tụng:** Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Toà án: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa là có căn cứ. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H thường xuyên chơi bời cờ bạc, nghiện ma túy và đã bị Công an xã đưa đi cai nghiện bắt buộc 02 năm tại Sóc Sơn, đến năm 2013 mới về. Khi trở về anh H không tu chí làm ăn mà vẫn tiếp tục lao vào cờ bạc, bán hết tất cả tài sản của vợ chồng và đồ đạc trong nhà. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay bà L đã thuê nhà ở riêng và vợ chồng ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đã làm đơn xin ly hôn ông H để giải phóng cho cả hai người. Do vậy đề nghị HĐXX xử bà L ly hôn ông H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Tuấn K, sinh ngày 22/02/2009 và cháu Ngô Thị Nhật V, sinh ngày 28/7/2012. Cháu V bị tàn

tật, không đi được và cũng không nói được. Do ông H không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên để đảm bảo quyền lợi của hai cháu đề nghị HĐXX xử giao cả hai cháu cho bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, công sức: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]*Về tố tụng*: Ông Ngô Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

[2]*Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H say mê cờ bạc phải bán nhà đất để trả nợ và nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc 02 năm. Khi cai nghiện trở về ông H vẫn không tu chí làm ăn mà tiếp tục lao vào cờ bạc bán hết tất cả tài sản của vợ chồng và vẫn nghiện hút. Điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình cảm, kinh tế của vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay vợ chồng ly thân không ai hỏi han đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đã làm đơn xin ly hôn ông H để giải phóng cho cả hai người là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Ngô Tuấn K, sinh ngày 22/02/2009 và cháu Ngô Thị Nhật V, sinh ngày 28/7/2012. Cháu V bị tàn tật, không đi được và cũng không nói được. Bà L có nghề nghiệp cắt tóc và có thu nhập ổn định; Còn ông H nghiện ma túy, thường xuyên chơi cờ bạc không có nghề nghiệp và không có thu nhập nên HĐXX xử giao cả hai cháu cho bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có Quyết định thay đổi khác là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Do bà Lkhông yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Về án phí : Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Ngô Văn H.

1. Về hôn nhân: Xử: Bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Ngô Văn H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Ngô Tuấn K, sinh ngày 22/02/2009 và cháu Ngô Thị Nhật V, sinh ngày 28/7/2012. Cháu V bị tàn tật, không đi được và cũng không nói được.

Xử: Giao cả hai cháu Ngô Tuấn K và Ngô Thị Nhật V cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức chung:

Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000051 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Thanh